TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 108/2026/QĐST-HNGĐ	*Cà Mau, ngày 04 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 103/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trương Văn C, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp C, xã Q, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 096086003042, cấp ngày 18/11/2021.

2. Chị Phùng Diễm T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp C, xã Q, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 096194009593, cấp ngày 09/8/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Trương Văn C và chị Phùng Diễm T chung sống với nhau năm 2012, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là xã Q, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống, gần đây xảy ra nhiều mẫu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên đã ly thân khoảng 01 năm. Từ nguyên nhân trên, các đương sự xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên được công nhận.

[2] Về con chung, gồm: Trương Nhã L, sinh ngày 09/6/2013 và Trương Tiến Đ, sinh ngày 24/01/2018, do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, các đương sự thỏa thuận giao Nhã L và Tiến Đ cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn giữa các đương sự là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của Nhã L và Tiến Đ nên được chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về nợ chung và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh C và chị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Trương Văn C và chị Phùng Diễm T thuận tình ly hôn (giấy chứng nhận kết hôn số: 23/2020 ngày 25/02/2020 của UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau).

- Về con chung: Giao Trương Nhã L, sinh ngày 09/6/2013 và Trương Tiến Đ, sinh ngày 24/01/2018 cho chị Phùng Diễm T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng không đặt ra. Anh Trương Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trương Văn C và chị Phùng Diễm T mỗi người phải chịu là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ số tiền anh C đã nộp tạm ứng 150.000 đồng theo biên lai số 0004920, chị T đã nộp tạm ứng 150.000 đồng theo biên lai số 0004919 cùng ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau thì anh C và chị T đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã Quách Phẩm, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn